

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM
Số: 27/2020/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 13 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy định một số nội dung về
quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật
giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ
sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng
11 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11
năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông
tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3649/TTr-STC
ngày 07 tháng 10 năm 2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về
quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 10 năm 2020 và
thay thế các Quyết định:

1. Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Ủy
ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý giá trên
địa bàn tỉnh Kon Tum.

2. Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 3, Điều 15 và bãi bỏ khoản 10 Điều 3 Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015; bãi bỏ Điều 3 Quyết định số 51/2012/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 và Điều 3 Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 28 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2015 và Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hòa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong các lĩnh vực: Bình ổn giá; Đăng ký giá; kê khai giá; hiệp thương giá; định giá nhà nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Kiểm tra yếu tố hình thành giá. Các nội dung về quản lý giá không quy định tại Quy định này được thực hiện theo Luật giá và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

BÌNH ỔN GIÁ, ĐĂNG KÝ GIÁ, KÊ KHAI GIÁ

Điều 3. Bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá

Các hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

2. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện bình ổn giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

Điều 4. Đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ

1. Hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá

Trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá đối với các hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký giá.

2. Đối tượng thực hiện đăng ký giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*.

3. Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá *(đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ)*.

4. Cách thức thực hiện đăng ký giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

5. Quy trình tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

6. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện đăng ký giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; khoản 3 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện

Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

7. Danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá

Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Điều 5. Kê khai giá hàng hóa, dịch vụ

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá *(đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 9 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ)*.

2. Đối tượng kê khai giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá *(đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*.

3. Cơ quan tiếp nhận biểu mẫu kê khai giá

Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá *(đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 10 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ)*.

4. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

5. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện kê khai giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

6. Danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá: Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Định kỳ vào ngày 01 tháng 7 hàng năm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

MỤC 2

ĐỊNH GIÁ

Điều 6. Hàng hoá, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá *(đã được sửa đổi, bổ sung theo khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ)*.

Điều 7. Trách nhiệm của các đơn vị, địa phương trong việc xây dựng, thẩm định, trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Sở Tài chính

- Thực hiện thẩm định các phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đề nghị của các sở ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; đơn vị sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm, mức thu đối với đất có mặt nước.

- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Hệ số điều chỉnh giá đất hàng năm.

- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giá tính thuế tài nguyên.

- Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của đơn vị cấp nước, sau khi có ý kiến thẩm định về định mức, kinh tế kỹ thuật của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan.

- Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án giá dịch vụ xe ra, vào bến xe ô tô trên địa bàn tỉnh; giá dịch vụ xử lý chất thải rắn được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước theo đề nghị của các đơn vị sản xuất, kinh doanh dịch vụ trên địa bàn tỉnh, sau khi có ý kiến thẩm định về định mức, kinh tế kỹ thuật của các Sở quản lý ngành, lĩnh vực có liên quan.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng phương án giá các loại đất; giá cho thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của Luật đất đai.

- Chủ trì phối hợp các ngành có liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

3. Sở Xây dựng

Chủ trì phối hợp các ngành có liên quan xây dựng phương án giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở; Giá nhà, công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Chủ trì phối hợp các ngành có liên quan xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do địa phương quản lý; Giá rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do nhà nước làm đại diện chủ sở hữu; Giá các loại cây trồng trên địa bàn tỉnh Kon Tum, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

5. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì phối hợp các ngành có liên quan xây dựng phương án giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nước, do địa phương quản lý; Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi có ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Xây dựng phương án giá Dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt

sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương, gửi lấy ý kiến thẩm định về định mức, kinh tế kỹ thuật của các sở ngành có liên quan và trình Sở Tài chính thẩm định, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

7. Các sở ngành theo lĩnh vực quản lý thực hiện xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

8. Hàng hóa, dịch vụ chưa quy định cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị trong việc lập, thẩm định và trình phê duyệt phương án giá, thực hiện theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Bộ quản lý ngành.

Điều 8. Hồ sơ phương án giá và nội dung phương án giá

Hồ sơ phương án giá và nội dung phương án giá thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

Điều 9. Thời hạn thẩm định phương án giá và thời hạn quyết định giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

Điều 10. Điều chỉnh mức giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá

1. Khi các yếu tố hình thành giá trong nước và thế giới có biến ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống thì Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời xem xét, điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định giá.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do nhà nước định giá khi kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Trình tự trình, thẩm định và quyết định điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

4. Thời hạn thẩm định phương án giá và Quyết định điều chỉnh giá thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy định này.

5. Trường hợp kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý thì Sở Tài chính, Sở quản lý ngành, lĩnh vực có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trả lời cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh bằng văn bản.

Mục 3

HIỆP THƯƠNG GIÁ, KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 11. Tổ chức hiệp thương giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ tổ chức hiệp thương giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Giá.

2. Hồ sơ hiệp thương giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

3. Thành phần tham gia tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ: Sở Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá; đại diện bên mua, bên bán; đại diện cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính.

4. Trình tự tổ chức hiệp thương giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá

Điều 12. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải kiểm tra yếu tố hình thành giá: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Giá.

2. Tổ chức kiểm tra yếu tố hình thành giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

3. Thẩm quyền và trách nhiệm kiểm tra yếu tố hình thành giá

Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong việc tổ chức thực hiện và quản lý nhà nước về giá trên địa bàn

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện giá các mặt hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Trung ương, xây dựng hoặc thẩm định phương án giá đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định các biện pháp thực hiện bình ổn giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn theo đúng quy định.

c) Tổ chức, phối hợp các đơn vị có liên quan kiểm tra, thanh tra giá trên địa bàn; hiệp thương giá; kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với danh mục hàng hóa, dịch vụ theo quy định của nhà nước.

2. Các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh có liên quan

a) Thực hiện các văn bản quy định của Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách giá, nội dung quản lý giá trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

b) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc chấp hành đúng các chính sách, chế độ về quản lý giá của nhà nước.

c) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các nội dung quản lý nhà nước về giá của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định; xử lý hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm theo quy định hiện hành của nhà nước.

d) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 7 chương II của quy định này.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Tổ chức triển khai thực hiện các chính sách giá, nội dung quản lý nhà nước về giá của Trung ương và của Ủy ban nhân dân tỉnh trên địa bàn các huyện, thành phố.

b) Phối hợp với các Sở ngành của tỉnh để có những biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo đúng quy định.

c) Chỉ đạo thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các nội dung quản lý nhà nước về giá, việc thực hiện niêm yết giá đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đóng trên địa bàn theo đúng quy định; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định hiện hành của nhà nước.

d) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 7 chương II của quy định này.

4. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

a) Chấp hành và thực hiện nghiêm chỉnh chế độ, chính sách, mức giá hàng hoá, dịch vụ do cơ quan có thẩm quyền quy định.

b) Thực hiện niêm yết giá bán bằng đồng Việt Nam và bán đúng giá đã niêm yết tại cửa hàng, nơi giao dịch mua bán.

c) Thực hiện việc đăng ký giá, kê khai giá hàng hóa, dịch vụ theo danh mục hàng hóa, dịch vụ quy định của nhà nước.

Điều 14. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu có phát sinh vướng mắc, chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Hòa